



Số: 30 /22/CV-HAGL Agrico
(V/v: Giải trình BCTC năm 2021
đã được kiểm toán)

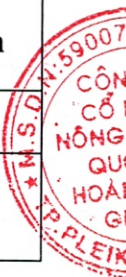
Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Báo cáo tài chính (“BCTC”) tổng hợp và hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai.

Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (mã CK: HNG) giải trình biến động lợi nhuận sau thuế trên BCTC Tổng hợp và BCTC Hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam như sau:

DVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	BCTC năm 2021 đã kiểm toán	BCTC năm 2020 đã kiểm toán	Chênh lệch
Lỗ sau thuế trên BCTC tổng hợp	(255,8)	(25,7)	(230,1)
(Lỗ)/ lợi nhuận sau thuế trên BCTC hợp nhất	(1.119,4)	20,8	(1.140,2)



Trong năm 2021, BCTC tổng hợp đã được kiểm toán ghi nhận lỗ sau thuế là **255,8 tỷ đồng** và BCTC hợp nhất đã được kiểm toán ghi nhận lỗ sau thuế là **1.119,4 tỷ đồng**. Nguyên nhân lỗ ảnh hưởng bởi các yếu tố sau:

1) Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện rà soát sổ sách và ghi nhận hạch toán các khoản chi phí đánh giá lại các khoản mục tài sản và nợ phải trả đã phát sinh từ năm 2020 trở về trước, như sau:

- Trích lập dự phòng khoản phải thu phát sinh từ năm 2018 là **52 tỷ đồng** và dự phòng phải thu trên BCTC tổng hợp là **174 tỷ đồng**.
- Thực hiện thanh lý hàng tồn kho trái cây chế biến (Xoài, Mít sấy dẻo) đã sản xuất từ năm 2019 là **37 tỷ đồng**;
- Đánh giá lại và ghi nhận chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đang ghi nhận hàng tồn kho trên Báo cáo tài chính tồn đọng từ năm 2018 – 2020 vào giá vốn hàng bán trong niên độ tài chính năm 2021 là **427 tỷ đồng**;
- Căn cứ điều 69 Thông tư 200 về chênh lệch tỷ giá hối đoái và Chuẩn mực kế toán số 25 về báo cáo tài chính hợp nhất: Tại thời điểm cuối năm, Công ty thực hiện đánh giá lại chênh lệch tỷ giá các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá là **230 tỷ đồng**.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Địa chỉ: Số 15 Trường Chinh, Phường Phú Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Tel: (+84) 0269 2222 285 Fax: (+84) 0269 2222 218 Email: hoanganhagrigo@hagl.com.vn

- 2) Chi phí khấu hao vườn cây cao su lớn nguyên nhân do diện tích tính khấu hao vườn cây cao su trong báo cáo tài chính 17.506 ha, trong đó diện tích vườn cây cao su chưa đủ điều kiện kỹ thuật khai thác 10.175 ha, diện tích cao su đủ điều kiện kỹ thuật đang khai thác thu hoạch 7.331 ha.
- 3) Do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19 đã làm cho giá mua phân bón tăng 160%, bao bì đóng gói tăng 25%, chi phí vận chuyển đường biển tăng 20% so với năm 2020.
- 4) Chi phí nhân công tăng do ảnh hưởng của dịch Covid-19 và nguồn lao động người địa phương bị hạn chế gây ảnh hưởng lớn đến sản lượng thu hoạch và đầu tư chăm sóc vườn cây của Công ty.

Trên đây là giải trình lý do và biến động kết quả sản xuất kinh doanh trên Báo cáo Tài chính tổng hợp và hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT

**KT, TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN HOÀNG PHI



**Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế
Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	11 - 47

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười chín (19) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là “HNG”.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là trồng và kinh doanh trái cây, cao su, cọ dầu và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị (“HDQT”) trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2021
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2021
	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2021
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2021
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Thành viên	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	
Ông Đỗ Xuân Diện	Phó Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2021
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	miễn nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2021
Ông Nguyễn Quan Anh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2021

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát (“BKS”) trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Minh Khoa	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2021
Ông Lê Hồng Phong	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2021
Bà Lê Thùy Dương	Thành viên	
Ông Đặng Công Trực	Thành viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bảo Sơn	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 18 tháng 3 năm 2021
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 18 tháng 3 năm 2021
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Phó Tổng Giám đốc	

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bảo Sơn
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

bổ nhiệm ngày 18 tháng 3 năm 2021
miễn nhiệm ngày 18 tháng 3 năm 2021

Ông Nguyễn Hoàng Phi được Ông Trần Bảo Sơn ủy quyền để ký báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Giấy Ủy quyền số 01/2022/GUQ-TGD/HAGL Agrico ngày 12 tháng 1 năm 2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp; và
- ▶ lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phân tích tình hình tài chính tổng hợp của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 để ngày 29 tháng 3 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2022

Số tham chiếu: 61280353/22630158

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 47, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

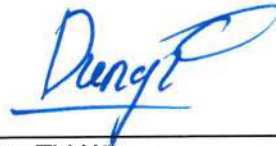
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Nguyễn Thị Như Quỳnh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3040-2019-004-1



Dương Thị Nữ
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3796-2021-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2022

311
ÔNG
NHIỆP
T &
Ệ T
P H

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.130.906.088	8.820.918.764
110	I. Tiền	4	7.334.259	7.719.915
111	1. Tiền		7.334.259	7.719.915
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		6.032.480.420	8.678.532.010
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.174.110.072	3.534.949.190
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.512.187.421	1.291.579.744
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	26	1.319.481.087	1.528.275.548
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.260.978.441	2.335.435.321
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 6, 7	(234.276.601)	(11.707.793)
140	III. Hàng tồn kho	8	21.422.858	80.011.381
141	1. Hàng tồn kho		23.226.689	83.850.741
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.803.831)	(3.839.360)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		69.668.551	54.655.458
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.765	94.885
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	16	69.380.398	54.274.185
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	286.388	286.388
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		11.269.214.748	15.978.915.798
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		6.411.378.625	6.691.427.233
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	26	4.925.072.274	5.341.046.797
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	1.486.306.351	1.350.380.436
220	II. Tài sản cố định		6.771.369	66.589.123
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	2.037.202	61.107.456
222	Nguyên giá		9.390.374	77.225.276
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(7.353.172)	(16.117.820)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	4.734.167	5.481.667
228	Nguyên giá		5.980.000	5.980.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.245.833)	(498.333)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		-	5.624.967
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	5.624.967
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	11	4.848.889.448	9.209.077.973
251	1. Đầu tư vào các công ty con		4.662.884.812	9.625.832.393
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		286.004.636	286.004.636
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.594.610	2.594.610
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(102.594.610)	(705.353.666)
260	V. Tài sản dài hạn khác		2.175.306	6.196.502
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		2.175.306	6.196.502
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		17.400.120.836	24.799.834.562

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.495.663.769	12.638.602.864
310	I. Nợ ngắn hạn		3.325.378.693	8.928.768.596
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	54.814.109	649.293.236
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	1.491.669	68.279.069
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	162.728	483.849
314	4. Phải trả người lao động		2.336.061	6.836.589
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	264.079.854	403.053.261
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	258.356.458	1.121.211.542
320	7. Vay ngắn hạn	17	2.744.137.814	6.679.611.050
330	II. Nợ dài hạn		2.170.285.076	3.709.834.268
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	14	175.531.171	185.916.164
337	2. Phải trả dài hạn khác	15	191.454.233	661.265.916
338	3. Vay dài hạn	17	1.803.299.672	2.862.652.188
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		11.904.457.067	12.161.231.698
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	11.904.457.067	12.161.231.698
411	1. Vốn cổ phần		11.085.538.950	11.085.538.950
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		11.085.538.950	11.085.538.950
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.170.127.000	1.170.127.000
421	3. Lỗ lũy kế		(351.208.883)	(94.434.252)
421a	- Lỗ sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(95.394.252)	(68.715.644)
421b	- Lỗ trong năm		(255.814.631)	(25.718.608)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		17.400.120.836	24.799.834.562

Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập

Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng



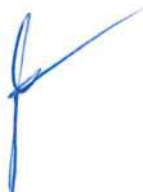
Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc


Ngày 29 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	1.313.125.840	1.708.346.610
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20, 24	(1.215.680.638)	(1.583.831.510)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp		97.445.202	124.515.100
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	648.070.687	933.737.659
22 23	5. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	21	(602.174.464) (286.754.840)	(997.807.585) (788.585.645)
25	6. Chi phí bán hàng	22, 24	(128.877.339)	(110.384.849)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22, 24	(270.161.652)	(36.924.693)
30	8. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(255.697.566)	(86.864.368)
31	9. Thu nhập khác	23	3.511.557	61.793.655
32	10. Chi phí khác	23	(3.628.622)	(647.895)
40	11. (Lỗ)/lợi nhuận khác	23	(117.065)	61.145.760
50	12. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(255.814.631)	(25.718.608)
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	-	-
60	14. Lỗ sau thuế TNDN		(255.814.631)	(25.718.608)


Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập


Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng


Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lỗ kế toán trước thuế		(255.814.631)	(25.718.608)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9, 10	6.155.717	6.735.212
03	Các khoản dự phòng		220.533.280	149.629.646
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		32.286.654	52.471.942
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(378.059.483)	(907.820.550)
06	Chi phí lãi vay	21	286.754.840	788.585.645
08	(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(88.143.623)	63.883.287
09	Giảm các khoản phải thu		338.482.908	210.594.593
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		60.624.052	(17.475.598)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(2.026.049.368)	251.106.101
12	Giảm chi phí trả trước		4.114.317	73.516
14	Tiền lãi vay đã trả		(428.376.665)	(232.184.283)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		(2.139.348.379)	275.997.616
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(75.944.953)	(7.148.694)
23	Tiền chi cho vay		(23.758.977)	(838.444.494)
24	Tiền thu hồi cho vay		625.735.030	2.151.690.646
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(48.442.490)	(6.108.512.574)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các công ty con		2.651.644.988	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay		50.105.202	539.514.802
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		3.179.338.800	(4.262.900.314)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	17	3.684.399.226	6.247.860.937
34	Tiền trả nợ gốc vay	17	(4.724.729.890)	(2.297.170.060)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(1.040.330.664)	3.950.690.877
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(340.243)	(36.211.821)
60	Tiền đầu năm		7.719.915	43.933.270
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(45.413)	(1.534)
70	Tiền cuối năm	4	7.334.259	7.719.915

Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập

Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5900712753 do SKHĐT Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười chín (19) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại SGDCKHCM theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là “HNG”.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là trồng và kinh doanh trái cây, cao su, cọ dầu và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 67 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 115).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có năm (5) công ty con trực tiếp, hai (2) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết, và một (1) chi nhánh hạch toán phụ thuộc.

Tên công ty	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)
Công ty con			
(1) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh (“HAQM Lào”)	Sekong, Lào	Đang hoạt động	100,00
(2) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu (“HA Attapeu”)	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00
(3) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri (“HA Rattanakiri”)	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(4) Công ty TNHH Heng Brothers (“Heng Brothers”)	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(5) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Oyadav (“HA Oyadav”)	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(6) Công ty TNHH CRD (“CRD”)	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(7) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai (“XNK HAGL”)	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00
Công ty liên kết			
(1) Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar (“Bidiphar”)	Bình Định, Việt Nam	Đang hoạt động	49,14
Chi nhánh hạch toán phụ thuộc			
(1) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Chế biến Hoa Quả	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh ("TM") số 1 và TM số 11.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đề ngày 29 tháng 3 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND. Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính tổng hợp đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần là 255.814.631 ngàn VND trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tại ngày này, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 351.208.883 ngàn VND. Ngoài ra, cũng tại ngày này, Công ty đã vi phạm một số điều khoản vay như được trình bày tại TM số 17.3 của báo cáo tài chính tổng hợp.

Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Công ty đang trong quá trình tiếp tục triển khai các dự án để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh của Công ty, tái cơ cấu một số khoản nợ và đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh điều khoản đã bị vi phạm của hợp đồng vay có liên quan. Đặc biệt là vào ngày 3 tháng 8 năm 2018, Công ty cũng đã ký kết Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư Chiến lược với Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Hải ("THACO"), qua đó, THACO đã và sẽ tiếp tục cam kết hỗ trợ Công ty trong việc tái cơ cấu tài chính và huy động vốn tài trợ cho các dự án nông nghiệp thuộc sở hữu của Công ty. Ngoài ra, vào ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty cũng đã ký kết Hợp đồng Bao tiêu Nông sản với Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải ("THAGRICO"), qua đó, THAGRICO hỗ trợ mua và phân phối nông sản của Công ty.

Trên cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục. Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Chi phí nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các loại hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	4 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 7 năm
Phương tiện vận chuyển	2 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	4 - 5 năm
Chương trình phần mềm	5 - 8 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.15 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	34.850	680.896
Tiền gửi ngân hàng	7.299.409	7.039.019
TỔNG CỘNG	7.334.259	7.719.915

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu từ các bên liên quan (TM số 26)	1.069.153.128	3.397.246.666
Phải thu từ các bên khác	104.956.944	137.702.524
- Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Cánh Đồng Vàng ("Cánh Đồng Vàng")	24.541.653	24.541.653
- Zhengzhou Tai Wang Import and Export Trade Co., Ltd	19.742.067	20.434.347
- Khách hàng khác	60.673.224	92.726.524
TỔNG CỘNG	1.174.110.072	3.534.949.190
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(43.334.615)	(11.707.793)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.130.775.457	3.523.241.397

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng/giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi:

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	11.707.793	15.448.274
Dự phòng trích lập trong năm	41.108.796	-
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(9.481.974)	(3.740.481)
Số cuối năm	<u>43.334.615</u>	<u>11.707.793</u>

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan (TM số 26)	1.505.448.011	1.263.733.707
Trả trước cho các bên khác	6.739.410	27.846.037
- Doanh nghiệp Tư nhân Châu Hồng Phúc	2.075.410	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại Thành An	1.622.899	12.919.700
- Khác	3.041.101	14.926.337
TỔNG CỘNG	1.512.187.421	1.291.579.744
Dự phòng trả trước ngắn hạn khó đòi	(176.233.586)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>1.335.953.835</u>	<u>1.291.579.744</u>

7. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	2.260.978.441	2.335.435.321
Phải thu các bên liên quan từ việc cần trừ công nợ	1.695.366.342	1.776.073.056
Phải thu lãi cho vay	320.330.245	240.163.718
Chi hộ	221.967.461	283.936.831
Khác	23.314.393	35.261.716
Dài hạn	1.486.306.351	1.350.380.436
Phải thu lãi cho vay	1.456.965.163	1.221.688.650
Khác	29.341.188	128.691.786
TỔNG CỘNG	3.747.284.792	3.685.815.757
Dự phòng phải thu khác khó đòi	(14.708.400)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>3.732.576.392</u>	<u>3.685.815.757</u>
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan (TM số 26)	2.237.664.048	2.300.898.116
Phải thu dài hạn khác các bên liên quan (TM số 26)	1.486.306.351	1.350.380.436
Phải thu khác các bên thứ ba	8.605.993	34.537.205

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngàn VND</i> <i>Số đầu năm</i>
Hàng hóa	18.261.412	60.100.194
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.210.428	21.298.794
Công cụ, dụng cụ	1.448.315	1.373.796
Nguyên vật liệu	1.306.534	1.077.957
TỔNG CỘNG	23.226.689	83.850.741
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.803.831)	(3.839.360)
GIÁ TRỊ THUẦN	21.422.858	80.011.381

Chi tiết tình hình tăng/giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND</i> <i>Năm trước</i>
Số đầu năm	3.839.360	4.518.686
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(2.035.529)	(679.326)
Số cuối năm	1.803.831	3.839.360

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Ngàn VND				
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận chuyển</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá					
Số đầu năm	40.659.868	26.975.641	6.621.052	2.968.715	77.225.276
Mua mới	-	182.000	716.439	36.960	935.399
Thanh lý	(40.659.868)	(26.283.776)	(1.787.157)	(39.500)	(68.770.301)
Số cuối năm	-	873.865	5.550.334	2.966.175	9.390.374
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	1.363.577	3.814.873	281.274	5.459.724
Khấu hao lũy kế					
Số đầu năm	(4.767.254)	(5.465.860)	(4.914.133)	(970.573)	(16.117.820)
Khấu hao trong năm	(2.248.182)	(2.106.105)	(518.760)	(535.170)	(5.408.217)
Thanh lý	7.015.436	6.712.917	435.954	8.558	14.172.865
Số cuối năm	-	(859.048)	(4.996.939)	(1.497.185)	(7.353.172)
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	35.892.614	21.509.781	1.706.919	1.998.142	61.107.456
Số cuối năm	-	14.817	553.395	1.468.990	2.037.202

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Ngàn VND
Phần mềm vi tính

Nguyên giá

Số đầu năm và số cuối năm 5.980.000

Hao mòn lũy kế

Số đầu năm (498.333)

Hao mòn trong năm (747.500)

Số cuối năm (1.245.833)

Giá trị còn lại

Số đầu năm 5.481.667

Số cuối năm 4.734.167

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Số cuối năm
Số đầu năm
Ngàn VND

Đầu tư vào các công ty con (TM số 11.1) 4.662.884.812 9.625.832.393

Đầu tư vào công ty liên kết (TM số 11.2) 286.004.636 286.004.636

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (TM số 11.3) 2.594.610 2.594.610

TỔNG CỘNG **4.951.484.058** **9.914.431.639**

Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (102.594.610) (705.353.666)

GIÁ TRỊ THUẦN **4.848.889.448** **9.209.077.973**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm			Số đầu năm		
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND
HA Attapeu	Trồng cây công, nông nghiệp và xây dựng	100,00	2.101.029.560	-	100,00	2.101.029.560	-
HAQM Lào	Trồng cây công, nông nghiệp	100,00	1.081.159.132	-	100,00	1.081.159.132	-
HA Rattanakiri	Trồng cây công, nông nghiệp	100,00	943.987.719	-	100,00	943.987.719	-
HA Oyadav	Trồng cây công, nông nghiệp	100,00	436.708.401	-	100,00	388.265.911	-
XNK HAGL	Thương mại	100,00	100.000.000	(100.000.000)	100,00	100.000.000	(100.000.000)
HAQM Việt Nam (*)	Trồng cây công, nông nghiệp	-	-	-	100,00	3.365.986.867	-
HA Đắk Lắk (*)	Trồng cây công, nông nghiệp	-	-	-	99,96	1.024.313.155	(178.158.008)
Bò sữa Tây Nguyên (*)	Trồng cây nông nghiệp	-	-	-	100,00	621.090.049	(427.195.658)
TỔNG CỘNG			4.662.884.812	(100.000.000)		9.625.832.393	(705.353.666)

(*) Vào ngày 8 tháng 1 năm 2021, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong Công ty TNHH MTV Cao su Hoàng Anh Quang Minh ("HAQM Việt Nam"), Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk ("HA Đắk Lắk"), và Công ty TNHH MTV Bò Sữa Tây Nguyên ("Bò sữa Tây Nguyên") cho THAGRICO theo các Hợp đồng chuyển nhượng vốn ngày 8 tháng 1 năm 2021, với tổng giá trị chuyển nhượng là 4.149.882.400 ngàn VND. Các giao dịch chuyển nhượng này đã được thông qua theo Nghị quyết HĐQT số 0601/21/NQHĐQT-HAGL Agrico ngày 6 tháng 1 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư
		%	Ngàn VND	%	Ngàn VND
Bidiphar	Trồng, khai thác và chế biến các sản phẩm từ cây cao su	49,14	286.004.636	49,14	286.004.636

11.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm			Số đầu năm		
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư	Dự phòng
		%	Ngàn VND		%	Ngàn VND	
Cánh Đồng Vàng	Kinh doanh cây ăn trái	15,00	2.594.610	(2.594.610)	15,00	2.594.610	-

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho các bên liên quan (TM số 26)	25.682.255	578.819.180
Phải trả cho các bên thứ ba	29.131.854	70.474.056
- Công ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Thiên Thành Lộc	7.104.420	-
- Công ty Cổ Phần Cánh Đồng Vàng Lạng Sơn	3.963.450	3.963.450
- Khác	18.063.984	66.510.606
TỔNG CỘNG	54.814.109	649.293.236

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ứng trước của các bên liên quan (TM số 26)	-	44.310.775
Nhận ứng trước của các bên khác	1.491.669	23.968.294
- Barba Import and Export Agents (Dalian) Co., Ltd	688.200	-
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thành Long	-	10.788.250
- Khác	803.469	13.180.044
TỔNG CỘNG	1.491.669	68.279.069

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	264.079.854	403.053.261
Chi phí hoạt động	152.450.400	152.450.400
Chi phí lãi vay	85.110.944	226.894.569
Khác	26.518.510	23.708.292
Dài hạn	175.531.171	185.916.164
Chi phí lãi vay	175.531.171	185.916.164
TỔNG CỘNG	439.611.025	588.969.425
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn bên liên quan (TM số 26)</i>	15.484.556	148.927.488
<i>Phải trả dài hạn bên liên quan (TM số 26)</i>	3.278.882	-
<i>Phải trả các bên khác</i>	420.847.587	440.041.937

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	258.356.458	1.121.211.542
Phải trả các bên liên quan từ việc cản trừ công nợ	239.175.177	987.958.066
Thu hộ	-	78.333.840
Phải trả khác	19.181.281	54.919.636
Dài hạn	191.454.233	661.265.916
Phải trả các bên liên quan từ việc cản trừ công nợ	154.914.294	424.907.998
Mượn tiền	36.539.939	236.357.918
TỔNG CỘNG	449.810.691	1.782.477.458
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn bên liên quan (TM số 26)</i>	241.743.308	1.078.367.473
<i>Phải trả dài hạn bên liên quan (TM số 26)</i>	154.914.294	424.907.998
<i>Phải trả các bên khác</i>	53.153.089	279.201.987

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	54.274.185	50.379.826	(35.273.613)	69.380.398
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 25.1)	285.831	-	-	285.831
Thuế khác	557	11.786.638	(11.786.638)	557
TỔNG CỘNG	54.560.573	62.166.464	(47.060.251)	69.666.786
Phải trả				
Thuế thu nhập cá nhân	483.849	601.195	(922.316)	162.728

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Ngắn hạn	2.744.137.814	6.679.611.050
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn phải trả (TM số 17.4 and TM số 26)	1.351.784.995	-
Vay ngắn hạn ngân hàng (TM số 17.2)	1.095.586.881	1.200.749.776
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (TM số 17.3)	254.941.978	123.799.539
Vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 17.1 và TM số 26)	41.823.960	5.158.215.316
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả	-	196.846.419
Dài hạn	1.803.299.672	2.862.652.188
Vay dài hạn các bên liên quan (TM số 17.4 và TM số 26)	1.093.729.771	2.001.191.815
Vay dài hạn ngân hàng (TM số 17.3)	709.569.901	861.460.373
TỔNG CỘNG	<u>4.547.437.486</u>	<u>9.542.263.238</u>

Tình hình tăng/giảm các khoản vay như sau:

	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Ngàn VND Tổng cộng
Số đầu năm	6.679.611.050	2.862.652.188	9.542.263.238
Tiền thu từ đi vay	3.189.899.226	494.500.000	3.684.399.226
Tiền trả nợ gốc vay	(4.687.282.390)	(37.447.500)	(4.724.729.890)
Cần trừ công nợ	(3.943.112.689)	(7.361.234)	(3.950.473.923)
Vay dài hạn đến hạn trả	1.502.406.405	(1.502.406.405)	-
Chi phí phát hành trái phiếu	3.153.582	-	3.153.582
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(537.370)	(6.637.377)	(7.174.747)
Số cuối năm	<u>2.744.137.814</u>	<u>1.803.299.672</u>	<u>4.547.437.486</u>

17.1 Vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 26)

Công ty vay tín chấp ngắn hạn từ bên liên quan nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm
THAGRICO	<u>41.823.960</u>	Từ ngày 26 tháng 5 năm 2022 đến ngày 29 tháng 12 năm 2022	7,50

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.2 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết vay ngắn hạn ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Mục đích	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPBank"), Chi nhánh Hà Nội	597.936.881	Từ ngày 6 tháng 1 năm 2022 đến ngày 20 tháng 9 năm 2022	Lãi suất cơ sở kỳ hạn 3 tháng của TPBank + 2,35%/năm (2021: 9,50% - 10,50%)	Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh trái cây và cao su	- Tài sản thuộc sở hữu của Công ty TNHH Cao su Eastern, (Campuchia), công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT, đã đang và sẽ hình thành trên đất theo giấy chuyển nhượng quyền sở hữu đất tồ nhượng kinh tế tại Campuchia số Kor Ror 0185, diện tích 925 ha; - Quyền khai thác, tài sản gắn liền 453,7 ha đất trồng trái cây tại Bản Huội Kong, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào và quyền khai thác, tài sản gắn liền với đất và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 71,4 ha tại Bản Houy Kong, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng ("Đại Thắng"), công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT; và - Quyền khai thác, tài sản gắn liền với đất và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 295,7 ha tại Bản Hatsan, Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Khăn Xây, công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HDBank"), Chi nhánh Đồng Nai	497.650.000	Từ ngày 25 tháng 6 năm 2022 đến ngày 1 tháng 10 năm 2022	9,00 - 10,30	Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh	- 76.375.000 cổ phiếu HNG sở hữu của HAG; và - Quyền sử dụng và khai thác 7,926 ha cao su, và cọ dầu tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat ("HA Lumphat"), công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT.
TỔNG CỘNG	<u>1.095.586.881</u>				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.3 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Nguyên tệ USD	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV"), Chi nhánh Gia Lai	715.177.275	31.148.836	Từ ngày 26 tháng 12 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,7%/năm (2021: 6,70 - 7,20%)	Tài trợ cho các dự án phát triển trồng cây cao su và mua sắm máy móc thiết bị của các công ty con tại Lào	Quyền sử dụng đất và vườn cây cao su với quy mô 9.996,9 ha tại Huyện Saysetha và Phu Vong, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của HA Attapeu, công ty con.
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank"), Chi nhánh Sài Gòn (*)	249.334.604	-	Từ ngày 24 tháng 12 năm 2022 đến ngày 24 tháng 12 năm 2026	Lãi suất tiết kiệm của Sacombank hạn 13 tháng lãi trả sau + 2%/năm được điều chỉnh 3 tháng/lần (2021: 8,95%)	Tài trợ cho các dự án phát triển trồng cây cao su và mua sắm máy móc thiết bị của các công ty con tại Campuchia	23,2 triệu cổ phiếu HAG sở hữu bởi ông Đoàn Nguyên Đức và 14,5 triệu cổ phiếu HAQM Việt Nam sở hữu bởi THAGRICO
TỔNG CỘNG	964.511.879	31.148.836				
<i>Trong đó:</i>						
Vay dài hạn	709.569.901	21.188.384				
Vay dài hạn đến hạn trả	254.941.978	9.960.452				

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, diện tích trồng cây cao su thực tế tại các công ty con của Công ty là 2.429 ha đang thấp hơn cam kết trong Hợp đồng Tín dụng là 9.000 ha. Ngoài ra, Công ty chưa mua bảo hiểm cho tài sản đảm bảo theo như cam kết trong Hợp đồng Tín dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.4 Vay dài hạn bên liên quan

Công ty vay tín chấp dài hạn từ bên liên quan nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, chi tiết như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm</i> <i>Ngàn VND</i>	<i>Thời hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất</i> <i>%/năm</i>
HAG	1.988.462.266	Từ ngày 30 tháng 6 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023	0,00
THAGRICO	457.052.500	Từ ngày 10 tháng 11 năm 2023 đến ngày 29 tháng 12 năm 2023	10,50
TỔNG CỘNG	<u>2.445.514.766</u>		
<i>Trong đó:</i>			
<i>Vay dài hạn</i>	<i>1.093.729.771</i>		
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>1.351.784.995</i>		

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	<i>Vốn cổ phần</i>	<i>Thặng dư</i> <i>vốn cổ phần</i>	<i>Lỗi lũy kế</i>	<i>Ngàn VND</i> <i>Tổng cộng</i>
Năm trước				
Số đầu năm	11.085.538.950	1.170.127.000	(67.515.644)	12.188.150.306
Chia thù lao cho HĐQT, BKS	-	-	(1.200.000)	(1.200.000)
Lỗi thuần trong năm	-	-	(25.718.608)	(25.718.608)
Số cuối năm	<u>11.085.538.950</u>	<u>1.170.127.000</u>	<u>(94.434.252)</u>	<u>12.161.231.698</u>
Năm nay				
Số đầu năm	11.085.538.950	1.170.127.000	(94.434.252)	12.161.231.698
Chia thù lao cho HĐQT, BKS	-	-	(960.000)	(960.000)
Lỗi thuần trong năm	-	-	(255.814.631)	(255.814.631)
Số cuối năm	<u>11.085.538.950</u>	<u>1.170.127.000</u>	<u>(351.208.883)</u>	<u>11.904.457.067</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.108.553.895	1.108.553.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	1.108.553.895	1.108.553.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.108.553.895	1.108.553.895
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.108.553.895	1.108.553.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.108.553.895	1.108.553.895

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	558.899.338	659.498.691
Doanh thu bán trái cây	496.226.262	663.493.857
Doanh thu bán mủ cao su	209.225.136	144.942.913
Doanh thu cung cấp dịch vụ	48.775.104	240.411.149
TỔNG CỘNG	1.313.125.840	1.708.346.610
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần với các bên liên quan</i>	706.803.039	884.305.747
<i>Doanh thu thuần với các bên khác</i>	606.322.801	824.040.863

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Lãi tiền cho vay	619.601.652	725.952.571
Cổ tức	20.915.646	15.686.735
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.536.686	25.917.109
Lãi tiền gửi ngân hàng	16.703	63.244
Lãi từ thanh lý công ty con	-	166.118.000
TỔNG CỘNG	648.070.687	933.737.659
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan</i>	619.601.652	892.070.571
<i>Bên khác</i>	28.469.035	41.667.088

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND</i> <i>Năm trước</i>
Giá vốn hàng hóa	541.370.019	645.312.147
Giá vốn trái cây đã bán	422.512.305	655.292.558
Giá vốn mủ cao su đã bán	202.614.037	141.489.060
Giá vốn cung cấp dịch vụ	49.184.277	141.737.745
TỔNG CỘNG	<u>1.215.680.638</u>	<u>1.583.831.510</u>

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND</i> <i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	286.754.840	788.585.645
Lỗ thanh lý các công ty con	257.905.082	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	2.594.610	163.363.453
Khác	54.919.932	45.858.487
TỔNG CỘNG	<u>602.174.464</u>	<u>997.807.585</u>

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND</i> <i>Năm trước</i>
Chi phí bán hàng	128.877.339	110.384.849
Chi phí dịch vụ mua ngoài	120.905.879	95.906.752
Chi phí nhân viên	4.756.912	10.711.352
Khác	3.214.548	3.766.745
Chi phí quản lý doanh nghiệp	270.161.652	36.924.693
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	245.459.928	(2.159.964)
Chi phí nhân viên	7.782.431	24.552.498
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.633.694	1.538.039
Khác	15.285.599	12.994.120
TỔNG CỘNG	<u>399.038.991</u>	<u>147.309.542</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND</i> <i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	3.511.557	61.793.655
Nhận hỗ trợ tài chính	-	61.207.461
Khác	3.511.557	586.194
Chi phí khác	(3.628.622)	(647.895)
Lỗi thanh lý tài sản cố định	(1.974.826)	-
Các khoản phạt	-	(575.460)
Khác	(1.653.796)	(72.435)
(LỖ)/LỢI NHUẬN KHÁC	(117.065)	61.145.760

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND</i> <i>Năm trước</i>
Chi phí giá vốn hàng hóa, nguyên vật liệu	1.209.524.921	1.577.096.298
Dự phòng phải thu khó đòi	245.459.928	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	135.027.061	106.422.342
Chi phí nhân công	12.539.343	35.263.850
Chi phí khấu hao và hao mòn (TM số 9 và 10)	6.155.717	6.735.212
Chi phí khác	6.012.659	5.623.350
TỔNG CỘNG	1.614.719.629	1.731.141.052

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa lỗ kế toán trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lỗ tính thuế:

	Năm nay	Năm trước
	<i>Ngàn VND</i>	
Lỗ kế toán trước thuế	(255.814.631)	(25.718.608)
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	240.631.481	82.794.729
Điều chỉnh thuế TNDN theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	-	49.493.900
Thu nhập cổ tức	(20.915.646)	(15.686.735)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	44.200.812	-
Lợi nhuận chịu thuế thuần điều chỉnh trước khi chuyển lỗ	8.102.016	90.883.286
Lỗ mang sang từ các năm trước	(8.102.016)	(90.883.286)
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	-	-
Thuế TNDN trả trước đầu năm	(285.831)	(285.831)
Thuế TNDN đã trả trong năm	-	-
Thuế TNDN trả trước cuối năm	(285.831)	(285.831)

25.2 Lỗ tính thuế

Lỗ tính thuế của Công ty khác với lỗ được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì lỗ tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế.

25.3 Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 1.204.263.315 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 1.308.720.866 ngàn VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	<i>Ngàn VND</i>	
			Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2021	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
2016	2021	191.649.115 (*)	(95.293.580)	(96.355.535)
2018	2023	11.091.234 (*)	-	11.091.234
2019	2024	1.193.172.081 (*)	-	1.193.172.081
TỔNG CỘNG		1.395.912.430	(95.293.580)	(96.355.535)
				1.204.263.315

(*) Lỗ tính thuế theo biên bản quyết toán thuế.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế còn lại trị giá 1.204.263.315 VND do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm được trình bày như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Năm nay	Năm trước
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Chuyển nhượng công ty con	4.149.882.400	2.350.000.000
		Cần trừ nợ gốc vay	3.813.572.265	-
		Trả gốc vay	2.965.460.727	-
		Thu tiền chuyển nhượng công ty con	2.651.644.988	-
		Vay	2.131.420.615	3.105.781.212
		Mua hàng hóa	385.235.060	206.553.273
		Trả lãi vay	200.038.384	191.978.202
		Cần trừ công nợ khác	162.385.173	1.984.700.086
		Bán hàng hóa	137.803.705	122.808.781
		Lãi vay	70.650.353	-
		Cho vay	23.758.977	-
		Cung cấp dịch vụ	8.893.283	-
		Thu hộ	-	78.333.840
		HA Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ
Mua hàng hóa	479.486.407			291.230.292
Lãi cho vay	353.119.649			356.767.570
Chi hộ	123.914.585			44.114.737
Cần trừ công nợ	29.973.589			-
Cho vay, mượn	-			87.046.764
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải quốc tế Trường Hải ("THILOGI")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT			Vay tiền
		Mua dịch vụ	148.632.793	-
		Cần trừ nợ gốc vay	129.071.629	-
		Trả gốc vay	32.739.000	-
		Cần trừ công nợ	19.158.012	-
		Lãi vay	5.233.154	-
Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Thu gốc cho vay	431.577.294	-
		Lãi cho vay	24.200.651	43.726.310
		Bán hàng hóa	4.993.411	15.837.787
		Mua hàng hóa	638.580	9.494.230
		Cho vay	-	443.784.509
Chi hộ	-	6.037.200		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
HA Đắk Lắk	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Cần trừ công nợ	251.542.904	-
		Mua hàng hóa	-	29.483.032
		Lãi cho vay	-	961.054
HA Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay	85.319.657	88.289.498
		Góp vốn	48.442.490	-
		Cần trừ công nợ	30.154.260	-
		Chi hộ	13.526.402	175.307
		Bán hàng hóa	12.034.893	93.383.141
		Mua hàng hóa	5.430.769	8.704.581
Công ty TNHH MTV An Đông Mía ("An Dong Mía")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Thu gốc cho vay	154.759.772	-
		Lãi cho vay	8.458.788	12.591.388
		Cho mượn	-	491.430.611
HAQM Lào	Công ty con	Mua hàng hóa	71.038.304	43.788.645
		Lãi cho vay	56.176.867	38.750.543
		Bán hàng hóa	13.779.191	13.343.840
		Chi hộ	2.057.668	18.532.800
		Cho vay	-	1.434.453
HA Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	91.372.420	91.622.756
HAG	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cần trừ nợ gốc vay	48.215.005	-
		Cần trừ công nợ	16.221.028	-
		Bán hàng hóa	213.633	11.577.560
		Cho vay	-	711.152.864
		Lãi vay	-	217.249.953
		Vay	-	154.101.500
XNK HAGL	Công ty con	Cần trừ công nợ	38.496.009	-
		Mua hàng hóa	99.046	45.098.294
		Mua nhiên liệu	-	7.066.968
CRD	Công ty con	Mua hàng hóa	22.840.870	-
		Bán hàng hóa	13.485.975	-
		Cần trừ công nợ	5.045.482	-
Bidiphar	Công ty liên kết	Cổ tức	20.915.646	15.686.735

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm được trình bày như sau: (tiếp theo)

<i>Ngàn VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
HAQM Việt Nam	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Thu gốc cho vay	15.638.988	-
		Lãi cho vay	854.789	-
		Vay	-	98.000.000
		Lãi vay	-	3.423.631
HA Lumphat	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Cán trừ công nợ	6.774.801	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	106.151.385
		Mua hàng hóa	-	94.211.448
Heng Brothers	Công ty con	Cán trừ công nợ	5.080.911	-
		Mua hàng hóa	-	2.651.272
Công ty TNHH MTV Vận tải Đường bộ Chu Lai - Trường Hải ("Đường bộ Chu Lai")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Cán trừ công nợ	4.366.594	-
		Mua hàng hóa và dịch vụ	-	9.807.295
Công ty TNHH Một Thành Viên Tổ Hợp Cơ Khí Thaco Chu Lai ("Cơ khí Chu Lai")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	3.690.061	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas ("HA Andong Meas")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Chi hộ	101.638	13.094.640
		Mua hàng hóa	-	309.000.120
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	118.930.349
		Lãi cho vay	-	21.514.397
		Cho vay	-	5.609.814
THACO	Cổ đông lớn	Vay	-	1.591.618.877
		Trả gốc vay	-	1.375.438.452
		Lãi vay	-	173.725.451
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai ("Gỗ HAGL")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho mượn	-	41.233.785
		Bán hàng hóa	-	975.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Ngàn VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 5)				
HA Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa	876.771.175	633.101.360
HA Oyadav	Công ty con	Bán hàng hóa	93.376.292	93.181.868
HAQM Lào	Công ty con	Bán hàng hóa	43.352.107	29.770.527
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Chuyển nhượng công ty con Bán hàng hóa	38.063.941 -	2.350.000.000 280.542.963
CRD	Công ty con	Bán hàng hóa	12.466.856	-
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa	3.578.369	-
Công ty TNHH MTV Chăn Nuôi Bò Trung Nguyên	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa	682.790	-
HA Andong Meas	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa	431.628	437.909
HAG	Cổ đông lớn	Bán hàng hóa	-	5.777.094
Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa	-	2.695.102
Bên liên quan khác	Bên liên quan	Bán hàng hóa	429.970	1.739.843
TỔNG CỘNG			1.069.153.128	3.397.246.666
Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 6)				
HA Attapeu	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	675.141.853	249.896.170
HAQM Lào	Công ty con	Mua hàng hóa	617.052.265	562.744.354
XNK HAGL	Công ty con	Mua hàng hóa	173.841.673	184.291.125
THAGRICO	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	39.013.212	-
HA Lumphat	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	399.008	399.009
HA Đắk Lắk (*)	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	-	251.335.334

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				Ngàn VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	
Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 6) (tiếp theo)					
HA Andong Meas	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	-	8.629.747	
Đại Thắng	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	-	5.434.295	
Bò sữa Tây Nguyên (*)	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	-	1.003.673	
TỔNG CỘNG			1.505.448.011	1.263.733.707	
Phải thu về cho vay ngắn hạn (**)					
HA Attapeu	Công ty con	Cho vay	728.053.755	858.792.408	
HA Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	270.556.953	149.684.000	
HAQM Lào	Công ty con	Cho vay	234.617.379	234.617.379	
HA Oyadav	Công ty con	Cho vay	86.253.000	86.253.000	
An Đông Mía	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho vay	-	154.759.773	
Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho vay	-	28.530.000	
HAQM Việt Nam (*)	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho vay	-	15.638.988	
TỔNG CỘNG			1.319.481.087	1.528.275.548	

(*) Như trình bày tại TM số 11.1, vào ngày 8 tháng 1 năm 2021, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong các công ty này cho THAGRICO. Theo đó, vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, các công ty này không còn là Công ty con của công ty.

(**) Cho vay ngắn hạn thể hiện các khoản cho vay tín chấp các bên liên quan với thời hạn hoàn trả đến từ ngày 20 tháng 7 năm 2021 đến ngày 11 tháng 6 năm 2022, và với lãi suất trung bình từ 8,00%/năm đến 11,85%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				Ngàn VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	
Phải thu ngắn hạn khác (TM số 7)					
HA Attapeu	Công ty con	Cho mượn	1.460.547.605	1.256.929.644	
		Lãi cho vay	248.525.712	175.851.926	
		Chi hộ	202.561.559	242.725.319	
HA An Đông Meas	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho mượn	195.894.200	487.108.443	
		Chi hộ	-	13.094.640	
HAQM Lào	Công ty con	Lãi cho vay	71.804.533	47.169.708	
		Chi hộ	19.368.702	18.941.715	
		Cho mượn	726.167	-	
HA Lumphat	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho mượn	38.198.370	32.014.721	
HA Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay	-	8.633.173	
		Chi hộ	-	539.227	
		Cán trừ công nợ	-	20.249	
Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Chi hộ	-	6.037.200	
		Lãi cho vay	-	172.352	
HA Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	-	3.404.950	
		Chi hộ	-	43.711	
An Đông Mía	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Cán trừ công nợ	-	2.747.095	
HAQM Việt Nam	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	-	2.184.513	
HAG	Cổ đông lớn	Cho mượn	-	680.800	
Bên liên quan khác	Bên liên quan	Chi hộ	37.200	2.598.730	
TỔNG CỘNG			2.237.664.048	2.300.898.116	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				Ngàn VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	
Phải thu về cho vay dài hạn (*)					
HA Attapeu	Công ty con	Cho vay	3.242.455.965	3.122.303.026	
HA Oyadav	Công ty con	Cho vay	762.449.593	762.449.593	
HA Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	535.351.401	656.224.354	
HAQM Lào	Công ty con	Cho vay	384.815.315	384.815.315	
Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho vay	-	415.254.509	
TỔNG CỘNG			4.925.072.274	5.341.046.797	
Phải thu dài hạn khác (TM số 7)					
HA Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay	1.410.126.601	1.134.016.590	
HAQM Lào	Công ty con	Lãi cho vay	46.599.555	15.057.513	
		Chi hộ	29.341.187	128.691.786	
Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	239.008	3.703.160	
HAQM Việt Nam	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	-	30.700.993	
HA Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	-	19.625.906	
HA Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay	-	13.442.166	
An Đông Mía	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	-	5.142.322	
TỔNG CỘNG			1.486.306.351	1.350.380.436	

(*) Cho vay dài hạn các bên liên quan thể hiện các khoản cho vay tín chấp các công ty với thời hạn hoàn trả từ tháng 1 năm 2022 đến tháng 12 năm 2026 và với lãi suất trung bình từ 7,20%/năm đến 11,85%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 12)				
THILOGI	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua dịch vụ	7.750.385	100.834.613
CRD	Công ty con	Mua hàng hóa	6.268.887	1.715.132
Đường bộ Chu Lai	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	3.267.956	-
Công ty TNHH MTV Tổ hợp Cơ khí Thaco Chu Lai	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	3.308.978	-
Công ty TNHH Phân phối Ô tô Tải - Bus Trường Hải	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	2.963.100	1.994.000
HA Oyadav	Công ty con	Mua hàng hóa	998.404	12.794.233
HA Đắc Lắc	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	541.386	-
Công ty TNHH MTV Cảng Chu Lai Trường Hải	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	474.583	1.303.322
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và vật tư	-	288.482.220
Gỗ HAGL	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	-	78.846.438
Công ty TNHH Thương Mại Đầu tư Phát triển Do Holdings	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	-	28.686.188
Bên liên quan khác	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	108.576	64.163.034
TỔNG CỘNG			25.682.255	578.819.180

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 13)				
Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Tạm ứng mua hàng hóa	-	44.310.775
Chi phí phải trả ngắn hạn (TM số 14)				
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi vay Mua hàng	14.401.614 128.400	148.927.488 -
THILOGI	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Chi phí dịch vụ	954.542	-
TỔNG CỘNG			15.484.556	148.927.488
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 15)				
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mượn tiền Thu hộ	131.156.340 -	636.242.848 78.333.840
HA Rattanakiri	Công ty con	Mượn tiền	108.018.837	223.317.140
Đường bộ Chu lai	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mượn tiền	2.568.131	-
HA An Đông Meas	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mượn tiền	-	97.748.420
HA Attapeu	Công ty con	Mượn tiền	-	12.897.295
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mượn tiền	-	12.075.567
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mượn tiền	-	9.647.776
HAQM Lào	Công ty con	Mượn tiền	-	6.004.587
HAG	Cổ đông lớn	Mượn tiền	-	2.100.000
TỔNG CỘNG			241.743.308	1.078.367.473

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngàn VND</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí phải trả dài hạn (TM số 14)				
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi vay	3.278.882	-
Phải trả dài hạn khác (TM số 15)				
HA Oyadav	Công ty con	Cán trừ công nợ	123.092.138	275.660.734
Heng Brothers	Công ty con	Cán trừ công nợ	31.822.156	37.235.308
HAQM Lào	Công ty con	Cán trừ công nợ	-	90.012.570
HAG	Cổ đông lớn	Cán trừ công nợ	-	21.999.386
TỔNG CỘNG			154.914.294	424.907.998

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Ngàn VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Vay ngắn hạn (TM số 17.1 và TM số 17.4)				
HAG	Cổ đông lớn	Vay ngắn hạn	1.351.784.995	35.485.456
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Vay ngắn hạn	41.823.960	5.122.729.860
TỔNG CỘNG			1.393.608.955	5.158.215.316
Vay dài hạn (TM số 17.4)				
HAG	Cổ đông lớn	Vay dài hạn	636.677.271	2.001.191.815
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Vay dài hạn	457.052.500	-
TỔNG CỘNG			1.093.729.771	2.001.191.815

Giao dịch với các bên liên quan khác

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc như sau:

<i>Ngàn VND</i>				
<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Thu nhập</i>		
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>	
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc				
Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch từ ngày 8 tháng 1 năm 2021	156.000	-	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Phó chủ tịch từ ngày 8 tháng 1 năm 2021	144.000	156.000	
Ông Đỗ Xuân Diện	Phó chủ tịch đến ngày 8 tháng 1 năm 2021	-	144.000	
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên/Tổng Giám đốc từ ngày 18 tháng 3 năm 2021	120.000	60.000	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên/Tổng Giám đốc cho đến ngày 18 tháng 3 năm 2021	120.000	1.704.000	
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Thành viên/Phó Tổng Giám Đốc	120.000	60.000	
Ông Nguyễn Quan Anh	Thành viên cho đến ngày 8 tháng 1 năm 2021	-	120.000	
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên cho đến ngày 8 tháng 1 năm 2021	-	120.000	
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên cho đến ngày 26 tháng 6 năm 2020	-	60.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm Soát và Ban Tổng Giám đốc như sau: (tiếp theo)

Tên	Chức vụ	Ngàn VND	
		Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Ban Kiểm soát			
Ông Bùi Minh Khoa	Trưởng ban từ ngày 8 tháng 1 năm 2021	96.000	-
Bà Lê Thùy Dương	Thành viên	72.000	316.000
Ông Đặng Công Trực	Thành viên	72.000	72.000
Ông Lê Hồng Phong	Trưởng ban cho đến ngày 8 tháng 1 năm 2021	-	48.000
Ông Nguyễn Đức Quang	Trưởng ban cho đến ngày 8 tháng 1 năm 2021	-	48.000
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên cho đến ngày 8 tháng 1 năm 2021	-	36.000
TỔNG CỘNG		900.000	2.944.000

27. CAM KẾT QUAN TRỌNG

Cam kết bảo lãnh:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đang dùng các quyền thuê đất của các Công ty con để đảm bảo cho khoản trái phiếu của HAG, cổ đông lớn của công ty tại BIDV và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Gia Lai, chi tiết như sau:

- Quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất, tài sản gắn liền với đất trên diện tích đất 4.897,5 ha tại Tỉnh Attapeu và Tỉnh Sekong, Lào thuộc sở hữu của HAQM Lào;
- Quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất, tài sản gắn liền với đất trên diện tích đất 5.588 ha (trồng cao su) và 2.093,6 ha (trồng cọ dầu) tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của HA Attapeu;
- Quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất, tài sản gắn liền với đất trên diện tích đất 1.960,91 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Heng Brothers; và
- Quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất, tài sản gắn liền với đất trên diện tích đất 3.283,66 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của CRD.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CAM KẾT QUAN TRỌNG (tiếp theo)

Cam kết khác:

Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 22 tháng 5 năm 2017 giữa Công ty, Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh, cùng thỏa thuận ngày 15 tháng 6 năm 2017, Công ty cam kết chịu trách nhiệm vô điều kiện và không hủy ngang đối với bất kỳ khoản nợ, phạt, bồi thường, nghĩa vụ tài chính và/hoặc bất kỳ cam kết bảo lãnh, nhận nợ, biện pháp đảm bảo nào khác (dù là hiện hữu chưa được phản ánh hoặc tiềm tàng) mà Nhóm Công ty Mía đường HAGL có nghĩa vụ thực hiện đối với bất kỳ bên thứ ba (bao gồm cả đối với Chính phủ Lào và/hoặc chính phủ Việt Nam) phát sinh vào và trước ngày 31 tháng 8 năm 2016 nhưng chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Nhóm Công ty Mía đường, bao gồm nhưng không bị hạn chế bởi các khoản phải nộp liên quan đến:

- (a) Thuế, phí, lệ phí đối với chuyển lợi nhuận từ Nhóm Công ty Mía đường tại Lào về cho Công ty tại Việt Nam theo quy định pháp luật tại Lào và Việt Nam;
- (b) Thuế nhà thầu hoặc thuế có tính chất tương tự đối với hoạt động xây dựng, giải phóng mặt bằng liên quan đến nhà máy và vùng nguyên liệu của Nhóm Công ty Mía đường HAGL;
- (c) Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và thuế thu nhập cá nhân của người lao động làm việc tại Nhóm Công ty Mía đường HAGL;
- (d) Thuế giá trị gia tăng liên quan đến giao dịch chuyển nhượng tài sản thuộc hoạt động trồng cỏ và nuôi bò của Nhóm Công ty Mía đường HAGL; và
- (e) Các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ thuế khác, các trách nhiệm bồi thường, tố tụng về mặt pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty Mía đường HAGL trước ngày 31 tháng 8 năm 2016.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và vào ngày báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty đang trong quá trình làm việc với các cơ quan thuế địa phương để xác định khoản nghĩa vụ tài chính có thể phát sinh (nếu có) liên quan đến chuyển nhượng Nhóm Công ty Mía đường nêu trên.

28. ĐẠI DỊCH COVID 19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính tổng hợp này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.



Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập



Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2022

